Nghị định thư

sửa đổi Hiệp định Hàng hải thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga ký ngày 27 tháng 5 năm 1993

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga, sau đây gọi tắt là "các Bên ký kết";

Căn cứ Điều 18 của Hiệp định Hàng hải thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga ký ngày 27 tháng 5 năm 1993 (sau đây gọi là "Hiệp định"),

Thống nhất những điều như sau:

Điều 1

Thực hiện những sửa đổi sau đối với Hiệp định:

1) Điều 8 của Hiệp định sẽ được sửa đổi như sau:

"Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho người mang giấy tờ hợp lệ, được cấp phù hợp với pháp luật của phía bên kia, những quyền hạn được quy định ở Điều 9 và Điều 10 của Hiệp định này.

Những giấy tờ hợp lệ bao gồm:

Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Hộ chiếu của công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Sổ thuyền viên;

Đối với Liên bang Nga – Hộ chiếu của công dân Liên bang Nga, xác nhận nhân thân công dân Liên bang Nga bên ngoài lãnh thổ của Liên bang Nga và giấy tờ tùy thân của thuyền viên.".

2) Khoản 1 Điều 9 của Hiệp định sẽ được sửa đổi như sau:

"1. Những người mang giấy tờ hợp lệ được đề cập trong Điều 8 của Hiệp định này, với tư cách là thành viên thủy thủ đoàn của tàu thuộc một Bên ký kết, được phép lưu trú trên bờ trong thời gian tàu neo đậu tại cảng của Bên ký kết kia mà không cần thị thực, với điều kiện thuyền trưởng của tàu đã nộp cho chính quyền địa phương danh sách thủy thủ đoàn theo quy định hiện hành tại cảng đó.

Khi lên bờ và quay trở lại tàu, những người nói trên phải tuân thủ quy định kiểm tra biên phòng và hải quan hiện hành tại cảng đó.".

3) Tại Điều 10:

a) Tại khoản 1, cụm từ "giấy tờ tùy thân của thuyền viên" sẽ được thay thế bằng cụm từ "giấy tờ hợp lệ";

b) Tại khoản 2, cụm từ "cơ quan chức trách có thẩm quyền" sẽ bị xóa bỏ;

c) Bỏ khoản 3.

Điều 2

Nghị định thư này sẽ có hiệu lực kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên ký kết qua kênh ngoại giao về việc đã hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết để Nghị định thư này có hiệu lực.

Nghị định thư này được làm tại Hanh Pê-téc-bua vào ngày 01 tháng 4 năm 2026 thành 02 (hai) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong giải thích các điều khoản của Nghị định thư này, văn bản tiếng Anh sẽ được sử dụng để tham chiếu.

Thay mặt **Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**	**Thay mặt** **Chính phủ Liên bang Nga**
Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Anh Tuấn	Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Andrei Nikitin

PROTOCOL

on amendments to the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Russian Federation on maritime merchant shipping dated 27 May 1993

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Russian Federation, hereinafter referred to as "the Contracting Parties",

in accordance with the provisions of Article 18 of the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Russian Federation on maritime merchant shipping dated 27 May 1993 (hereinafter referred to as "the Agreement"),

have agreed on the following:

Article 1

Make the following changes to the Agreement:

1) Article 8 of the Agreement shall be amended to read as follows:

"Each of the Contracting Parties shall grant to the holders of valid documents issued in accordance with the legislation of the State of the other Contracting Party the rights provided for in Articles 9 and 10 of this Agreement.

These valid documents are:

in respect of the Socialist Republic of Viet Nam – passport of the citizen of the Socialist Republic of Viet Nam and seaman's book;

in respect of the Russian Federation – passport of the citizen of the Russian Federation, certifying the identity of the citizen of the Russian Federation outside the territory of the Russian Federation, and seafarers' identity document.".

2) paragraph 1 of Article 9 of the Agreement shall be amended to read as follows:

"1. Holders of the valid documents specified in Article 8 of this Agreement,—while being crew members of the vessel of the Contracting Party, are permitted to stay for temporary shore leave, without visa, during the stay of the vessel in a port of the other Contracting Party,

provided the Master of the vessel has submitted the crew list to the local authorities, in accordance with the national legislation in force in that port.

While landing and returning the vessel the listed persons are subject to frontier and customs control in force in that port.".

3) In Article 10:

a) in paragraph 1, the words "seamen's identity documents" shall be replaced by the words "valid documents";

b) in paragraph 2, the words "by the competent authorities" shall be deleted;

c) paragraph 3 shall be excluded.

Article 2

This Protocol shall enter into force from the date of receipt through the diplomatic channels of the last written notification concerning completion by the Contracting Parties of domestic procedures, required for its entry into force.

Done in the city of Saint Petersburg on April "01" 2026, in two copies, each in the Vietnamese, Russian and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence in the interpretation of the provisions of this Protocol the English text shall be used.

For the Government of the Socialist Republic of Viet Nam	**For the Government of the Russian Federation**
Deputy Minister Ministry of Construction Le Anh Tuan	Minister Ministry of Transport Andrei Nikitin

ПРОТОКОЛ

о внесении изменений в Соглашение между Правительством Социалистической Республики Вьетнам и Правительством Российской Федерации о морском торговом судоходстве от 27 мая 1993 года

Правительство Социалистической Республики Вьетнам и Правительство Российской Федерации, именуемые в дальнейшем Договаривающиеся Стороны,

в соответствии с положениями статьи 18 Соглашения между Правительством Социалистической Республики Вьетнам и Правительством Российской Федерации о морском торговом судоходстве от 27 мая 1993 года (далее – Соглашение),

согласились о нижеследующем:

Статья 1

Внести в Соглашение следующие изменения:

1) статью 8 изложить в следующей редакции:

«Каждая из Договаривающихся Сторон предоставляет владельцам действительных документов, выданных в соответствии с законодательством государства другой Договаривающейся Стороны, права, предусмотренные статьями 9 и 10 настоящего Соглашения.

Такими действительными документами являются:

в отношении Социалистической Республики Вьетнам - паспорт гражданина Социалистической Республики Вьетнам и книжка моряка;

в отношении Российской Федерации - паспорт гражданина Российской Федерации, удостоверяющий личность гражданина Российской Федерации за пределами территории Российской Федерации, и удостоверение личности моряка.»;

2) пункт 1 статьи 9 изложить в следующей редакции:

«1. Владельцам действительных документов, упомянутых в статье 8 настоящего Соглашения, разрешается в качестве членов экипажа судна Договаривающейся Стороны находиться в течение времени пребывания судна в порту другой Договаривающейся Стороны в отпуске на берегу без виз при условии, что капитан судна передал местным властям список экипажа в соответствии с действующими в данном порту правилами.

При сходе на берег и возвращении на судно упомянутые лица подчиняются действующему в этом порту пограничному и таможенному контролю.»;

3) в статье 10:

а) в пункте 1 слова «удостоверений личности моряков» заменить словами «действительных документов»;

б) в пункте 2 слова «компетентными властями» исключить;

в) пункт 3 исключить.

Статья 2

Настоящий Протокол вступает в силу с даты получения последнего письменного уведомления по дипломатическим каналам о выполнении Договаривающимися Сторонами внутригосударственных процедур, необходимых для его вступления в силу.

Совершено в г. Санкт-Петербурге «01» апреля 2026 г. в двух экземплярах, каждый на вьетнамском, русском и английском языках, причем все тексты имеют одинаковую силу. В случае разногласий в толковании положений настоящего Протокола используется текст на английском языке.

За Правительство Социалистической Республики Вьетнам	**За Правительство Российской Федерации**
Заместитель министра Министерства строительства	Министр Министерства транспорта
Ле Ань Туан	Андрей Никитин